

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ - ST
Ngày 05-11- 2021
V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn An;
2. Bà Đỗ Thị Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã G, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hiện cư trú tại: Osakafu Daitoshi Sanga 2 Chome 4-37 Go Abanhaitsu Sanga 102, Nhật Bản (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2021 và những lời khai tiếp theo có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Ngọc H đăng ký kết hôn ngày 24/01/2019 tại UBND phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị thường xuyên bất đồng quan điểm sống và lối sống, thời gian gần đây tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến

nhau nữa. Đến nay, vợ chồng anh chị đã ly thân hơn 01 năm. Chị nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Ngọc H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 24/01/2019 tại UBND phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn, chị H đi Nhật Bản sinh sống cho đến nay. Trong thời gian kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau do bất đồng quan điểm. Anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm không có quan hệ tình cảm gì, đến nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý, anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc H.

Về con chung: Anh chị xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng, chị Nguyễn Thị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt gửi từ Nhật Bản về có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc H và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn ngày 24/01/2019 tại UBND phường Đ1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc

trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau do bất đồng quan điểm và lối sống. Sau đó, chị H đi Nhật Bản sinh sống cho đến nay. Anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm không quan tâm đến nhau và không có quan hệ tình cảm gì cũng không thăm hỏi, động viên nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy việc xin ly hôn của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, do vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần cho chị H và anh H ly hôn.

[3] Về con chung: Anh chị xác định không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Ngọc H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Những quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Ngọc H.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Ngọc H xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Ngọc H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do anh Dương Minh Đảo nộp thay tại biên lai thu số AA/2021/0001751 ngày 28/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.
5. Thời hạn kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự cư trú ở

nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND phường Đ1, TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Thái